

LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC.

**ĐỖ NGỌC TOÀN. *Vai trò của người Hoa Đông Nam Á trong sự phát triển của Trung Quốc (từ 1978 đến 2005)***

*Chuyên ngành: Lịch sử thế giới cận đại và hiện đại*

*Mã số: 62 22 50 05*

Chính sách cải cách mở cửa thi hành từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX của Trung Quốc đã tạo ra bước phát triển đột phá, nhất là trên mặt trận kinh tế đối ngoại. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thành công là Trung Quốc đã khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả nguồn vốn, kinh nghiệm kinh doanh cũng như các mối quan hệ bạn hàng của người Hoa và Hoa kiều trên thế giới, trước hết là người Hoa Đông Nam Á.

Để có thể lý giải được sự thành công, nhất là về kinh tế của Trung Quốc và mối quan hệ khăng khít giữa Trung Quốc, Hong Cong, Ma Cao và Đài Loan; đồng thời thấy rõ được triển vọng quan hệ Trung Quốc-ASEAN, liên kết Đông Á trong thế kỷ XXI, không thể không nói đến vai trò và sự đóng góp của người Hoa Đông Nam Á. Vì lẽ đó, nghiên cứu sinh Đỗ Ngọc Toàn đã chọn vấn đề vai trò của người Hoa Đông Nam Á trong sự phát triển của Trung Quốc từ năm 1978 – bắt đầu cải cách mở cửa của Trung Quốc, đến năm 2005, làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của mình.

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án chia làm ba chương.

Chương I, *Khái quát tình hình người Hoa Đông Nam Á* (tr.14-64), được tác giả nhìn nhận từ 2 phương diện, là thực trạng phát triển của người Hoa Đông Nam Á và sự điều chỉnh chính sách của chính phủ các nước Đông Nam Á đối với người Hoa từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai đến năm 2005.

Tác giả cho biết, trải qua nhiều thập kỷ, lịch sử đã chứng kiến nhiều đợt di cư của người Trung Hoa đến các khu vực trên thế giới, trong đó phần lớn tập trung về các nước trong khu vực Đông Nam Á. Nguyên nhân chính của sự di trú người Hoa phải kể đến những biến động chính trị lớn; tình trạng mất mùa, bệnh tật, sinh đẻ quá mức, ruộng ít người đông, thiếu đói triền miên và nhằm mục đích hoạt động thương mại và sinh nhai. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, đại đa số người Hoa đã gia nhập quốc tịch nước sở tại, trở thành một bộ phận không thể tách rời đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá của các nước bản địa. Cho đến nay, cộng đồng người Hoa ở 10 nước Đông Nam Á đã hình thành và phát triển ổn định, tuy khác nhau về phạm vi nhưng đã trở thành "hành lang" nối thông xã hội người Hoa. Tại các nước này, lực lượng người Hoa hoạt động kinh doanh công, thương nghiệp chiếm tỷ lệ rất cao. Ngoài lĩnh vực tiền tệ phát triển khá mạnh thì những ngành nghề khác vẫn trong tình trạng nhỏ lẻ, mang đặc trưng gia đình.

Dưới những biến động chính trị diễn ra khốc liệt và lâu dài, nhất là từ Chiến tranh Lạnh, người Hoa Đông Nam Á đã phải chịu sự phân biệt và kỳ thị trong

chính sách bản địa hoá của các nước sở tại và sự lôi kéo tranh giành quyền lực của Trung Quốc. Sau khi các quốc gia Đông Nam Á giành được độc lập, họ đã đồng loạt thi hành chính sách dân tộc hoá, bản địa hoá một số lượng lớn Hoa kiều nhập cư từ lâu đời và đã có vị thế quan trọng trong đời sống kinh tế của các nước bản địa. Trong khoảng thời gian từ những năm 70 của thế kỷ XX đến năm 2005, chính phủ các nước Đông Nam Á đã thay đổi nhận thức, nhanh chóng điều chỉnh chính sách từ phân biệt đối xử sang thúc đẩy hợp tác với người Hoa, nhằm thu hút và tận dụng triệt để mọi nguồn lực của họ cho phát triển kinh tế. Sự điều chỉnh chính sách đối với người Hoa đã tạo quyền bình đẳng về chính trị và kinh tế, nâng cao hơn địa vị của bản thân người Hoa trong đời sống xã hội ở các nước sở tại. Việc điều chỉnh này đã làm cho vị thế và thực lực kinh tế của người Hoa Đông Nam Á từng bước được nâng cao, trở thành nhân tố đóng góp quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội các nước sở tại.

Chương II, tác giả tập trung làm rõ *sự đóng góp của người Hoa Đông Nam Á trong sự phát triển của Trung Quốc thời kỳ cải cách mở cửa* (tr.65-147). Đồng thời với việc phân tích tình hình di dân của người Hoa sau cải cách mở cửa (1978), tác giả đã khái quát lại chính sách của Trung Quốc đối với người Hoa từ khi thành lập nước đến trước năm 1978; nhấn mạnh đến sự điều chỉnh trong chính sách đối với Hoa kiều, người Hoa và công tác Kiều vụ của Trung Quốc. Theo tác giả, từ sau Hội nghị trung ương lần thứ ba khoá XI của Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 12/1978), công tác Kiều vụ của Trung

Quốc về cơ bản đã có sự chuyển hướng tích cực. Ngoài ra Trung Quốc đã nhanh chóng xây dựng cơ cấu Kiều vụ, đề ra chính sách động viên người Hoa tự nguyện nhập quốc tịch Trung Quốc, ban hành các qui định luật pháp bảo vệ quyền lợi Hoa kiều và thân nhân về nước. Sự điều chỉnh chính sách Kiều vụ đã khôi phục lại niềm tin trong cộng đồng người Hoa đối với chính phủ Trung Quốc, nối thông sợi dây quan hệ tình cảm huyết thống, cội nguồn, tiếp tục khơi dậy truyền thống và bản sắc văn hoá Trung Hoa, đem lại bầu không khí thân thiện, cởi mở, hoà hợp và sự gắn kết chặt chẽ các thành phần dân tộc.

Nhờ có những điều chỉnh, thay đổi chính sách kịp thời mà Hoa kiều và người Hoa đã có nhiều điều kiện thuận lợi hơn, đóng góp được nhiều hơn cho sự phát triển đất nước. Tác giả lần lượt nêu bật những đóng góp cụ thể của người Hoa trong các lĩnh vực kinh tế; văn hoá, xã hội, giáo dục, trong lĩnh vực thương mại, du lịch, hợp tác lao động, trong lĩnh vực chính trị và ngoại giao. Chẳng hạn, trong lĩnh vực kinh tế, nhiều thương nhân người Hoa, đặc biệt là các doanh nghiệp và tập đoàn lớn đã đến đầu tư tại Trung Quốc, mở rộng đầu tư trực tiếp. Và ngay cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa của người Hoa Đông Nam Á cũng tiến quân vào đầu tư ở hầu hết các địa phương, nhất là khu vực phía Đông của Trung Quốc và đã phát triển sang khu vực sông Trường Giang, Hồ Bắc, Tứ Xuyên, Bắc Kinh và khu vực Đông Bắc. Ngay cả với những người Hoa Đông Nam Á vì những lý do khách quan, không thể tìm hiểu sâu sắc tình hình chính trị và kinh tế hiện tại của Trung Quốc thì họ thường lấy Hong Kong làm cơ sở, kết hợp với vốn của người Hoa ở

Hong Kong, Đài Loan và các khu vực khác, kể cả vốn của công ty nước ngoài để đầu tư vào thị trường Trung Quốc theo hai con đường: thông qua các công ty con của họ thường trú tại Hong Kong và thông qua mở rộng liên kết, hợp tác với thương nhân Hong Kong nhằm làm cho hoạt động đầu tư của họ phát triển thuận lợi, tránh rủi ro và đạt hiệu quả.

Bên cạnh đó người Hoa Đông Nam Á rất chú trọng tham gia vào lĩnh vực đầu tư gián tiếp. Sau khi Trung Quốc mở cửa, lượng kiều hối của người Hoa từ các quốc gia Đông Nam Á chuyển về Tổ quốc ngày càng tăng với qui mô lớn.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, người Hoa Đông Nam Á quan tâm rất nhiều đến lĩnh vực giáo dục Hoa văn, bảo tồn giá trị của ngôn ngữ dân tộc. Trong lĩnh vực chính trị và ngoại giao họ đã góp phần mở rộng quan hệ chính trị ngoại giao giữa Trung Quốc và Đông Nam Á. Người Hoa Đông Nam Á luôn là nhịp cầu mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác láng giềng giữa các nước Đông Nam Á với Trung Quốc. Họ cố gắng góp phần khai thông quan hệ quốc tế, tăng cường hiểu biết và hợp tác hữu hảo, xây dựng và thúc đẩy quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia, góp phần bảo vệ nền hoà bình trên thế giới. Thông qua quan hệ "ngoại giao nhân dân", người Hoa Đông Nam Á đã phát huy vai trò "đại sứ hữu nghị", tăng cường tình hữu nghị của các nước sở tại với Trung Quốc, đưa quan hệ ngoại giao song phương giữa các nước Đông Nam Á và Trung Quốc nhanh chóng được thiết lập và đạt tới bình thường hoá.

Ngoài ra, sự đóng góp của người Hoa Đông Nam Á đã thúc đẩy tiến trình hòa hợp dân tộc ở Trung Quốc. Thực tế

cho thấy, kể từ năm 1978, sau khi giải quyết thoả đáng "vấn đề người Hoa" ở các nước Đông Nam Á, mối quan hệ chính trị và ngoại giao giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á ngày càng được cải thiện và phát triển. Những chính sách và pháp qui thuận lợi đã làm tăng sự tin tưởng của người Hoa nói chung và người Hoa Đông Nam Á nói riêng, kể cả thương nhân Hong Kong, Ma Cao và Đài Loan, dọn đường cho các nguồn vốn nước ngoài chuyển về Trung Quốc và mở rộng hơn nữa hoạt động đầu tư, thương mại tại Trung Quốc. Đồng thời cũng làm cho mâu thuẫn giai cấp trong xã hội giữa người Hoa, Hoa kiều thế giới, người Hoa Đông Nam Á với Trung Quốc được hoà dịu, sự thù hằn của người Hoa và thân quyến của họ trong nước với chính quyền trung ương và địa phương được hoá giải, tình cảm đối với dân tộc, tình yêu quê hương đất nước của người Hoa được khơi dậy. Hơn nữa, sự đổi mới chính sách đối với người Hoa của Trung Quốc cũng có tác động làm dịu làn sóng đấu tranh đòi dân chủ và nhân quyền của người Trung Hoa Hong Kong và làm giảm căng thẳng giữa hai bờ eo biển Đài Loan, góp phần thúc đẩy "hoà hợp dân tộc" và sự đoàn kết quốc gia-dân tộc của Trung Quốc.

Chương III, *Ý nghĩa, tầm quan trọng và triển vọng của vai trò người Hoa Đông Nam Á đối với Trung Quốc* (tr.148-191).

Ở đây tác giả đề cập chủ yếu đến vai trò của người Hoa Đông Nam Á đối với sự phát triển Trung Quốc hơn 20 năm qua, trước hết là đối với phát triển và thay đổi cơ cấu kinh tế Trung Quốc; đối với ổn định chính trị-xã hội và hòa hợp dân tộc; đối với mở rộng quan hệ hợp tác và liên kết giữa Trung Quốc, Hong

Kong, Ma Cao và Đài Loan; đối với mở rộng quan hệ Trung Quốc-ASEAN; đồng thời tác giả làm sáng tỏ triển vọng của người Hoa Đông Nam Á đối với sự phát triển của Trung Quốc trong những thập niên đầu thế kỷ XXI. Theo tác giả, các doanh nghiệp, tập đoàn người Hoa Đông Nam Á luôn là nhân tố đầy triển vọng tạo ra nhiều lợi ích kinh tế to lớn, đóng góp cho sự phát triển của Trung Quốc trong những năm tiếp theo. Trong quá trình đầu tư tại Trung Quốc, người Hoa Đông Nam Á đã đóng góp tích cực cho sự phát triển của nước này trong mọi lĩnh vực. Trong tương lai, mối quan hệ giữa người Hoa Đông Nam Á-Trung Quốc sẽ tiếp tục được phát huy và đóng góp của họ đối với cố hương ngày càng thiết thực và hiệu quả hơn. Với tư cách là người nối nhịp cầu quan hệ hữu nghị và hợp tác, người Hoa, Hoa kiều nói chung và người Hoa Đông Nam Á nói riêng đã và đang đóng góp vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội và quan hệ quốc tế của Trung Quốc. Các hoạt động thương mại, đầu tư của họ tại Trung Quốc, cũng như hoạt động liên kết và hợp tác kinh tế giữa họ với Trung Quốc, Hong Kong, Ma Cao và Đài Loan đã và đang mở ra tiềm năng to lớn cho việc thiết lập "vành đai kinh tế Trung Hoa".

Một phần nội dung quan trọng khác được tác giả đề cập tới trong công trình nghiên cứu là sự liên hệ với Việt Nam. Trong đó tác giả đưa ra một số đề xuất liên quan đến vấn đề thu hút nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài, như sau:

*Thứ nhất*, Chính phủ, trước hết là các ngành chức năng của Việt Nam cần nâng cao hơn nữa sự nhận thức về cộng

đồng và nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài, hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất để triển khai tuyên truyền rộng rãi chủ trương, chính sách của Chính phủ Việt Nam đối với người Việt Nam ở nước ngoài, nhằm tạo ra sức mạnh để thu hút nguồn lực cũng như vận động kiều bào và thân nhân của họ hưởng ứng, chủ động tham gia các hoạt động xây dựng kinh tế-xã hội ở trong nước. Mặt khác, cần tăng cường hơn nữa công tác thông tin về văn hóa, kinh tế, xã hội và hợp tác tri thức.... cho người Việt Nam ở nước ngoài.

*Thứ hai*, đề ra chính sách, biện pháp khuyến khích, vận động chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp vào sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ, nguồn nhân lực và vận động người Việt Nam ở nước ngoài động viên người nhà của mình trở về đất nước làm ăn, sinh sống, nhất là đầu tư vốn và đưa khoa học kỹ thuật tiên tiến về nước. Bên cạnh đó, cần xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý cho đội ngũ trí thức nói chung.

*Thứ ba*, hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài lập ra các tổ chức nghiệp đoàn, văn hóa, xã hội. Các tổ chức này không chỉ là cơ sở cốt lõi cho duy trì bản sắc của người Việt Nam ở nước ngoài mà còn là sợi chỉ đỏ gắn nối Tổ quốc với họ.

Luận án đã được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, tháng 6/2009.

HA VÂN  
giới thiệu